

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 11 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên
Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1973 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Lê Hồng T, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1996, anh Th và chị Lê Hồng T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn nên anh Th yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Th và chị T có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2009. Khi ly hôn, anh Th đồng ý giao cháu Vân A cho chị T nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Th và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Chị Lê Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1996, chị T và anh Th tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay anh Th yêu cầu ly hôn, chị T đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2009. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi cháu Vân A, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Th và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Chị T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th và bị đơn chị Lê Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[2] *Về hôn nhân:* Năm 1996, anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Hồng T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Anh Th và chị T có hai con chung là Nguyễn Thị Th Hà, sinh năm 1997 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2009. Khi ly hôn, anh Th và chị T thống nhất giao cháu Vân A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu. Xét thấy sự thỏa thuận của anh Th và chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Anh Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản*: Anh Th và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Anh Th và chị T xác định không có.

[7] *Về án phí*: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Hồng T là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Th và chị T thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 14/02/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997 đã trưởng thành. Anh Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 19/10/2022, anh Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005539 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).”

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc